

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 04/6/2025

V/v: không công nhận vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Năm

2. Bà Hà Thị Huấn

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trọng Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Hà Thị B - Sinh năm 1998

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn S, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: anh Ngân Văn B - Sinh năm 1993

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn S, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa chị Hà Thị B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Ngân Văn B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2024, Bản tự khai ngày 25/10/2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Hà Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngân Văn B tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2016 có tổ chức cưới theo phong tục địa phương tại thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Trước khi về chung sống với nhau như vợ

chồng thì chị sinh sống cùng gia đình tại bản Piềng Phố, xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa còn anh B sinh sống cùng gia đình tại khu phố P, thị trấn S, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Từ sau khi tổ chức cưới, chị và anh B sinh sống, cư trú tại khu phố Păng, thị trấn Sơn Lư. Do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, điều kiện kinh tế khó khăn nên chị và anh B không đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã. Quá trình chung sống thời gian đầu bình thường, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong việc sinh hoạt hằng ngày, trong kinh tế gia đình, cách nuôi dạy con cái nên thường hay xảy ra xung đột, cãi vã và ngày càng trầm trọng hơn. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng kết quả không thành.

Nay xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Ngân Văn B.

Về con chung: chị và anh B có hai con chung là: Ngân Hà Bảo N, sinh ngày 25/5/2015 và Ngân Hà Bảo C, sinh ngày 09/5/2019. Hiện hai cháu đang sống cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu một tháng 1.000.000đ (hai cháu là 2.000.000đ/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 06/2025 đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: chị Hà Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Hà Thị B đề nghị chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Hà Thị B còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Căn cước công dân của chị (bản sao chứng thực); Giấy khai sinh Ngân Hà Bảo C và Ngân Hà Bảo N (bản sao); Xác nhận thông tin về nơi cư trú của chị và anh B; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; Đơn xin trình bày có xác nhận của UBND xã Trung Xuân; Đơn xin trình bày có xác nhận của Trường mầm non xã Trung Xuân; Giấy xác nhận của Trường tiểu học và THCS xã Trung Xuân.

* *Về bị đơn:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày quan điểm về vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp và phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng anh B không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể tiếp cận được với anh B để lấy lời khai của anh.

* *Tại phiếu yêu cầu xác minh ngày 28/10/2024 của TAND huyện Quan Sơn:* UBND thị trấn Sơn Lư và UBND xã Trung Xuân đều xác nhận chị Hà Thị B và anh Ngân Văn B không đăng ký kết hôn.

* *Tại biên bản xác minh ngày 03/4/2025*, ông Lữ Ngọc H - Trưởng khu Păng, thị trấn Sơn Lư cho biết: Về hôn nhân: chị B và anh B có tổ chức cưới theo phong tục địa phương, chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2016. Sau khi tổ chức cưới, chị B và anh B sinh sống cùng nhau tại khu phố Păng, thị trấn Sơn Lư. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu bình thường hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm hay xung đột, cãi vã. Hiện chị B và anh B đã ly thân mỗi người một nơi. Nay chị B xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: chị B và anh B có hai con chung là Ngân Hà Bảo N, sinh ngày 25/5/2015 và Ngân Hà Bảo C, sinh ngày 09/5/2019. Hiện hai cháu đang sống cùng chị B và mẹ chị B tại xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* *Ý kiến của đại diện VKSND huyện Quan Sơn*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tố tụng tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật pháp luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị **HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 của Bộ luật TTDS; Điều 14, khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ** giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị B đối với bị đơn anh Ngân Văn B. Về án phí, chị B, anh B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn trong các bản tự khai; ý kiến của đại diện VKSND. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị Hà Thị B và anh Ngân Văn B các văn bản tố tụng của Tòa án; chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt hai lần không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị B, anh B.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn phù hợp với khoản 1 điều 28 của BLTTDS; Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Quan Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Hà Thị B và anh Ngân Văn B tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên là vi phạm Điều 9 Luật HNGĐ năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị B xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng nên đề nghị Tòa án không công nhận là vợ

chồng. Qua chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đó là đơn khởi kiện, Bản tự khai; Phiếu yêu cầu xác minh, Biên bản xác minh tại địa phương mà Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn hôn nhân của chị B, anh B thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc. Nên HĐXX căn cứ Điều 14, khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 và hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 nên chấp nhận yêu cầu của chị B là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị Hà Thị B và anh Ngân Văn B thống nhất vợ chồng có hai con chung là: Ngân Hà Bảo N, sinh ngày 25/5/2015 và Ngân Hà Bảo C, sinh ngày 09/5/2019. Khi ly hôn, chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Xét nguyện vọng của chị B về trách nhiệm nuôi con:

Qua chứng cứ nguyên đơn cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án tại: Biên bản xác minh lấy ý kiến của ông Lữ Ngọc H - Trường khu Păng, thị trấn Sơn Lư; Đơn xin trình bày ngày 01/4/2025 của nguyên đơn được UBND xã Trung Xuân xác nhận; Đơn xin trình bày ngày 01/4/2025 của nguyên đơn được Trường mầm non xã Trung Xuân xác nhận; Giấy xác nhận của Trường TH và THCS xã Trung Xuân, HĐXX thấy rằng:

Thực tế lâu nay hai cháu Bảo N và Bảo C đang sinh sống, học tập ổn định cùng chị B tại xã Trung Xuân và có nguyện vọng muốn ở cùng chị B theo như trong bản tự khai. Nguyện vọng của chị B là chính đáng, phù hợp, việc giao con chung cho ai nuôi phải xem xét tất cả các điều kiện liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo cho việc phát triển tốt nhất cho các cháu. Do vậy giao con chung Ngân Hà Bảo N và Ngân Hà Bảo C cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với thực tế và tốt hơn cho sự phát triển của các cháu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị B; Giao cháu Ngân Hà Bảo N, sinh ngày 25/5/2015 và cháu Ngân Hà Bảo C, sinh ngày 09/5/2019 là con chung của chị B, anh B cho chị B có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng: Chị B yêu cầu anh B phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu một tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 06/2025 đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

Mức yêu cầu cấp dưỡng của chị B trong thời điểm hiện tại là hoàn toàn phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của khu vực kinh tế, xã hội nơi chị B cùng các con chung đang sinh sống. HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị B về việc buộc anh B phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi cháu một tháng

1.000.000 đồng (hai cháu là 2.000.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 06/2025 đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí:

+ Về án phí ly hôn: Chị Hà Thị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Về án phí cấp dưỡng: anh Ngân Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như án phí dân sự không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến của đại diện VKSND huyện Quan Sơn tại phiên tòa hôm nay về việc áp dụng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của HĐXX và các căn cứ pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án đúng với quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật TTDS. Điều 14, khoản 1 Điều 51, các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị B.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hà Thị B và anh Ngân Văn B là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho chị Hà Thị B có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Ngân Hà Bảo N, sinh ngày 25/5/2015 và Ngân Hà Bảo C, sinh ngày 09/5/2019; anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B mỗi cháu một tháng 1.000.000đ (*một triệu đồng*); thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 06/2025 đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi.

Anh Bằng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Hà Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, theo biên lai thu số 0002541, ký hiệu BLTU/23 ngày 23/10/2024. Chị B đã nộp đủ án phí. anh B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quan Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Tùng